

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
***Về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”***

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:* Bà Lê Thị Dung

*Thư ký phiên họp:* Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp:***

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/02/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Mai Thị D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Xuân L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 4, xã V, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: 192-18, Chueup-ro, Gaegun-myeon, Yangpyeong-gun, Gyeonggi-do, Hàn Quốc.

**NỘI D VIẾT DÂN SỰ**

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, anh Lê Xuân L và chị Mai Thị D thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng xa cách hai nơi, không thể chung sống với nhau nên hầu như không có liên lạc dẫn đến xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Nay anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung, tên các cháu là Lê Xuân K, sinh ngày 06/6/2006 và Lê Xuân H, sinh ngày 09/8/2008. Ly hôn vợ chồng thống nhất giao 2 con cho chị Mai Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng là 4 triệu đồng/2 con.

Về tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, chị D giữ nguyên yêu cầu, anh L vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và các đương sự đã đảm bảo đúng quy định. Về nội dung các yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận thỏa thuận của chị D và anh L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Xuân L đang sống và lao động tại hàn Quốc nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Lê Xuân L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp vắng mặt anh L.

[2]. Về nội D:

[2.1] Về hôn nhân: Anh L và chị D kết hôn năm 2005, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nay anh, chị có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên công nhận; căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Lê Xuân K, sinh ngày 06/6/2006 và Lê Xuân H, sinh ngày 09/8/2008. Ly hôn vợ chồng thống nhất giao 2 con cho chị Mai Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng là 4 triệu đồng/2 con.

[2.3] Về tài sản: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chị D tự nguyện nộp toàn bộ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Các nội dung thỏa thuận trên của anh L và chị D là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 2 Điều 207; Điều 361; khoản 2 Điều 367; Điều 370; Điều 396; khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Xuân L và chị Mai Thị D.

2. Về con chung: Anh, chị có 02 con chung, là cháu Lê Xuân K, sinh ngày 06/6/2006 và cháu Lê Xuân H, sinh ngày 09/8/2008. Ly hôn vợ chồng thống nhất giao 2 con cho chị Mai Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng là 4 triệu đồng/2 con.

3. Về tài sản: Anh L và chị D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Mai Thị D tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ anh đã nộp tại biên lai số AA/2021/0001055 ngày 13/01/2021 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa (chị D đã nộp đủ lệ phí).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T, huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

### **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

(đã ký)

**Lê Thị Dung**